

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/HS-ST

Ngày: 25/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN - TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Triệu Văn Thiết

2. Ông La Đức Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mạc Thị Hà – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn - Tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/HSST ngày 21 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2019/HSST - QĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Lưu Ngọc Á; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 06 tháng 4 năm 1994.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn P và bà Lưu Thị B; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Bà Hoàng Thị N; sinh năm 1973; trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Triệu Văn T; sinh năm 1978; trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; có mặt

- Ông Nguyễn Duy T; sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; có mặt

* Người làm chứng:

- Ông Hứa Xuân L; sinh năm 1992; trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn L; sinh năm 1986; trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 07/12/2018, Lưu Ngọc Á đi bộ từ nhà đi đến quán tạp hóa của ông Triệu Văn Đ ở ngã ba cầu trần thuộc thôn N, xã B để mua thuốc Lá. Sau khi mua xong, Á đi bộ theo đường đi vào thôn N, xã B trên đường đi Á quan sát thấy nhà bà Hoàng Thị N không có ai ở nhà, nên Á đã nảy sinh ý định trộm cắp. Á đi bộ theo đường mòn qua bờ ruộng để đến nhà bà N. Khi đi đến nơi Á thấy nhà bà N khóa cửa ngoài nên Á đi qua sau nhà thấy có tấm ván bung bằng gỗ có thể nhấc ra được nên Á đi đến nhấc tấm ván sang một bên, rồi chui vào trong nhà đi đến vị trí chiếc ti vi nhãn hiệu LG 32 inch, màn hình phẳng màu đen để ở gian nhà chính, Á rút rắc cắm nguồn ti vi ra rồi ôm chiếc ti vi đi ra theo lối lúc trước chui vào. Sau đó Á đặt tấm ván gỗ vào lại vị trí cũ rồi ôm ti vi đi bộ theo đường sau nhà bà N đến bờ suối cách nhà bà N khoảng 200 mét và gọi điện thoại cho Nguyễn Duy T, nhờ T lấy cho hai chiếc bao tải để bọc ti vi. Khoảng 10 phút sau, T mang hai chiếc bao tải đến cho Á bọc chiếc ti vi vừa trộm cắp được. Sau đó, Á gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L để hỏi L có biết ai mua ti vi không? Nhưng L trả lời là không biết nên Á đã gọi điện thoại cho Triệu Văn T để hỏi T còn có nhu cầu mua ti vi không (vì trước đó T có nói với Á là muốn mua ti vi cũ về dùng) thì T hỏi Á là “Ti vi gì? Bán bao nhiêu?” Á trả lời T là “Ti vi LG của bạn em ở Y, nó bán một triệu rưỡi, anh mua thì em mang về cho” nhưng T trả lời là “Không có tiền mua đâu” rồi T tắt máy. Khoảng hai phút sau, T gọi điện lại cho Á nói là “Một triệu thì anh mới mua được”, Á trả lời là “Một triệu một được thì em mang về cho” thì T nói “Thế thì mang về cho anh, về đến thì mang vào nhà cho anh nhé” rồi Á tắt máy và nói với T là T mua ti vi với giá là 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*). Sau đó, Á mang chiếc ti vi cất giấu ở bụi cỏ bên trái đường bê tông hướng thôn N đi thôn N rồi cùng T đi bộ đến ngồi ở bờ ao cách vị trí cất giấu chiếc ti vi khoảng 40 mét rồi Á gọi điện thoại cho Hứa Xuân L để nhờ L đến đón Á và T lên thị trấn B. Sau đó, Á và T tiếp tục đi bộ về phía thôn N, khi đi gần đến nhà văn hóa thôn N xã B thì thấy L một mình điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) đi đến. Tại đây, Á nói với L là “Cho em mượn xe về nhà lấy tiền một chút” và L đồng ý. Á một mình điều khiển xe mô tô mượn của L đi đến vị trí trước đó cất giấu chiếc ti vi lấy chiếc ti vi đặt trên giá đèo hàng của xe rồi trở đi bán cho Triệu Văn T được số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) Sau khi bán được chiếc ti vi, Á điều khiển xe máy đi đến thôn N, xã B gặp L, T và Nguyễn Văn L rồi cùng nhau đi đến Thị trấn B, huyện C tìm mua ma túy về sử dụng hết số tiền bán ti vi có được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/HĐ-ĐGTS ngày 11/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Đồn kết luận: “Giá trị chiếc ti vi màn hình phẳng, nhãn hiệu LG 32 inch, màu đen tại thời điểm ngày 07/12/2018 còn có giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*)

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSCĐ ngày 20/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Lưu Ngọc Á về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Tuyên bố bị cáo Lưu Ngọc Á phạm tội: Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và

Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Á từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy hai chiếc bao tải đựng ti vi

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 09 giờ ngày 07/12/2018, tại Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Lưu Ngọc Á đã có hành vi lợi dụng lúc bà Hoàng Thị N đi vắng không có ai ở nhà bị cáo đã lén lút chui vào trong nhà lấy trộm một chiếc ti vi nhãn hiệu LG 32 inch trị giá 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) của bà N mang đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng luật hình sự có như vậy mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng. Sau khi sự việc xảy ra đã chủ động bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị

cáo đều thành khẩn khai báo và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu nên có thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Hoàng Thị N đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Đối với ông Triệu Văn T là người bỏ ra số tiền 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) để mua ti vi với bị cáo mà bị cáo đã sử dụng hết, nhưng bị cáo đã bồi hoàn lại số tiền cho ông T. Tại phiên tòa ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6]. Vật chứng vụ án: 02 (Hai) chiếc bao tải mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, dùng để đựng, bọc chiếc ti vi trộm cắp là của anh Nguyễn Duy T nhưng anh T không yêu cầu lấy lại. Xét thấy, vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Trong vụ án có ông Triệu Văn T là người mua chiếc ti vi với bị cáo và Nguyễn Duy T là người cho bị cáo mượn hai chiếc bao tải để bọc chiếc ti vi đi bán. Tuy nhiên cả T và T đều không biết chiếc ti vi đó là do bị cáo trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T và T là có căn cứ.

Đối với Hứa Xuân L là người cho bị cáo mượn xe máy để đi bán ti vi , nhưng L không biết bị cáo mượn xe máy để đi tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với L là có căn cứ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, Nguyễn Văn L, Nguyễn Duy T, Hứa xuân L Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Ngọc Á phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Á 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Ngọc Á cho Ủy ban nhân dân xã Bằng L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bao tải màu vàng cam và 01 chiếc bao tải màu trắng xanh đều đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2019 giữa Công an huyện Chợ Đồn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lưu Ngọc Á phải chịu 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- CCTHADS huyện Chợ Đồn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Hương